

Số: 827/QĐ-TĐC

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm
phương tiện đo, chuẩn đo lường**

CHỦ TỊCH

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ liên quan đến Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-BKHCN ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và Quyết định số 1188/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ban hành kèm Quyết định số 489/QĐ-BKHCN ngày 27/3/2024;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đo lường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ trụ sở chính: Số 202 Trường Chinh, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: 0255.3828529) thực hiện hoạt động kiểm định phương tiện đo với lĩnh vực hoạt động ghi trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Địa điểm thực hiện hoạt động: tại địa chỉ trụ sở chính và tại hiện trường.



Điều 3. Trong hoạt động kiểm định, Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi được sử dụng dấu kiểm định mang ký hiệu **N288**.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 12 năm 2029.

Điều 5. Trưởng ban Ban Đo lường, Giám đốc Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Quyền CT. Hà Minh Hiệp (đề b/c);
- Sở KH và CN tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, ĐL.

**TUQ. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG BAN
BAN ĐO LƯỜNG**



Trần Quý Giàu



Phụ lục
LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO CỦA TRUNG TÂM
ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 827/QĐ-TĐC ngày 23 tháng 12 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia)

1. Hoạt động kiểm định phương tiện đo

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Chế độ kiểm định	Ghi chú
1	Taximet	Quãng đường	$\pm 2 \%$ (*)	Ban đầu, định kỳ, sau sửa chữa	
		Thời gian chờ	$\pm 0,2 \%$ (*)		
2	Cân phân tích	đến 500 g	1		
3	Cân kỹ thuật	đến 10 kg	2		
4	Cân bàn	đến 10 t	3		
5	Cân đĩa	đến 60 kg	3		
6	Cân đồng hồ lò xo	đến 200 kg	4		
7	Cân ô tô	đến 120 t	3		
8	Quả cân	(1 ÷ 200) g	M ₁		Điều chỉnh
		(1 ÷ 20) kg			
9	Cột đo xăng dầu	Q đến 120 L/min	0,5		
10	Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí, DN (15 ÷ 50)	Q _n đến 15 m³/h	A; B		
11	Bể đóng cố định kiểu trụ nằm ngang	đến 25 m³	0,5		Điều chỉnh

R

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Chế độ kiểm định	Ghi chú
12	Phương tiện đo dung tích thông dụng: - Ca đong - Bình đong - Thùng đong	đến 50 L	0,5	Ban đầu, định kỳ, sau sửa chữa	
13	Áp kế lò xo	$(-1 \div 0)$ bar	đến 2,5 %		
		$(0 \div 700)$ bar	đến 1 %		
		$(0 \div 1000)$ bar	đến 1,6 %		
14	Huyết áp kế lò xo	đến 300 mmHg	đến ± 3 mmHg ^(*)		
15	Huyết áp kế thủy ngân	đến 300 mmHg	đến ± 3 mmHg ^(*)		
16	Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng 1 pha	U đến 220 V I đến 100 A	2		Điều chỉnh
17	Công tơ điện xoay chiều kiểu điện từ 1 pha	U đến 220 V I đến 100 A	đến 1		Điều chỉnh
18	Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng 3 pha	U đến 220 V/pha I đến 100 A/pha	2		Điều chỉnh
19	Công tơ điện xoay chiều kiểu điện từ 3 pha	U đến 220 V/pha I đến 100 A/pha	đến 1		Điều chỉnh
20	Phương tiện đo điện tim	f: $(0,1 \div 100)$ Hz U: $(0,1 \div 5)$ mV	± 5 % ^(*)		
21	Phương tiện đo điện não	f: $(0,1 \div 100)$ Hz U: $0,1 \mu\text{V} \div 2,4 \text{ mV}$	± 5 % ^(*)		
22	Xi téc ô tô	đến 50 m ³	0,5		
23	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng	$(-15 \div 250)$ °C	$\pm 0,3$ °C ^(*)	Ban đầu, định kỳ	Điều chỉnh

(*): Sai số lớn nhất cho phép.

